

## HOSE 20/01/2014

VNINDEX 553.66 10.07 1.85%

KLGD 105,722,499 CP  
GTGD 1,969.19 Tỷ  
GTR NDTNN 309.75 Tỷ

CP Tăng giá 93 CP  
CP Giảm giá 138 CP  
CP Đứng giá 73 CP



## HNX 20/1/2014

HNXINDEX 72.50 -0.28 -0.39%

KLGD 56,918,335 CP  
GTGD 779.61 Tỷ  
GTR NDTNN 55.22 Tỷ

CP Tăng giá 83 CP  
CP Giảm giá 138 CP  
CP Đứng giá 158 CP



## VN30 & HNX30 INDEX

VN30 620.69 15.19 2.51%  
HNX30 139.86 -0.75 -0.54%

## Tâm điểm

- ▶ **Bluechips tiếp tục giúp VN-Index chinh phục đỉnh mới**
- ▶ **Thanh khoản thị trường duy trì ở mức cao**  
Tổng giá trị giao dịch trên cả 2 sàn nếu loại trừ GDTT đạt khoảng 1.900 tỷ đồng.
- ▶ **Năm 2013: Kim ngạch xuất khẩu thủy sản đạt 6.9 tỉ USD**  
Tăng 13% so với kim ngạch xuất khẩu thủy sản năm 2012  
Lao Động
- ▶ **Việt Nam chỉ xuất siêu 10 triệu USD trong 2013**  
Riêng tháng 12/2013, cán cân thương mại của Việt Nam bị thâm hụt 600 triệu USD  
Diễn Đàn Đầu Tư
- ▶ **ECN: Việt Nam xếp thứ 7 về điểm đến đầu tư hàng đầu châu Á**  
Chỉ 31.6% số doanh nghiệp được hỏi có ý định tăng đầu tư trong năm 2014  
Economist
- ▶ **CTS - Năm 2013 lãi sau thuế 65 tỷ đồng**  
Như vậy, CTS đã hoàn thành kế hoạch năm sau điều chỉnh  
Trí Thức Trẻ
- ▶ **HPG - Lãi ròng 2013 hơn 2,000 tỷ đồng**  
HPG vượt 68% kế hoạch lợi nhuận sau thuế  
Công Lý

## Thị trường / Ngành

	Vốn hóa (tỷ)	EPS	P/E	P/B	D/E
<b>Theo thị trường</b>					
HOSE	841,549	2,149	13.5	3.2	3.35
HNX	98,900	487	23.0	1.5	3.71
<b>Toàn bộ thị trường</b>	<b>940,449</b>	<b>1,691</b>	<b>14.4</b>	<b>3.1</b>	<b>3.48</b>

	Vốn hóa (tỷ)	EPS	P/E	P/B	D/E
<b>Theo ngành</b>					
Nhựa, cao su & sợi	7,550	5,683	4.7	1.0	0.43
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	20,886	5,910	5.9	1.6	0.40
Thép và sản phẩm thép	24,000	1,430	12.0	1.3	1.72
Khai khoáng	12,022	1,376	23.3	5.0	0.33
Vật liệu xây dựng & Nội thất	13,916	961	11.5	1.2	1.60
Xây dựng	20,919	4	2,261.3	0.8	3.37
Máy công nghiệp	7,374	1,550	14.3	1.5	0.88
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	7,246	3,559	8.8	1.2	0.40
Lốp xe	6,357	4,039	8.7	2.4	1.26
Nuôi trồng nông & hải sản	13,386	1,729	10.7	1.1	2.25
Thực phẩm	210,534	3,746	24.4	5.7	0.58
Dược phẩm	12,654	5,495	10.8	2.8	0.78
Phần mềm	12,323	4,951	7.7	1.8	1.00
Sản xuất & phân phối điện	19,771	1,854	7.5	1.2	1.23
Phân phối xăng dầu & khí đốt	128,282	5,562	10.6	3.9	0.50
Bảo hiểm nhân thọ	31,506	1,634	28.3	2.5	2.69
Môi giới chứng khoán	16,526	435	21.3	0.9	0.57
Ngân hàng	202,880	1,576	11.6	1.4	10.91
Bất động sản	120,896	456	46.9	3.5	3.12
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	19,294	4,020	6.6	1.3	1.63

## Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

**Năm 2013: Kim ngạch xuất khẩu thủy sản đạt 6.9 tỉ USD**

**Việt Nam chỉ xuất siêu 10 triệu USD trong 2013**

**ECN: Việt Nam xếp thứ 7 về điểm đến đầu tư hàng đầu châu Á**

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

**CTS - Năm 2013 lãi sau thuế 65 tỷ đồng**

**HPG - Lãi ròng 2013 hơn 2,000 tỷ đồng**

**CSM - Lãi sau thuế quý 4 cao gấp rưỡi cùng kỳ đạt 103 tỷ đồng**

## ► Tin kinh tế

Theo Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản VN (Vasep), ước tính tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản cả nước năm 2013 đạt gần 6.9 tỉ USD, tăng 13% so với năm 2012. Tuy nhiên, tình hình xuất khẩu thủy sản Việt Nam còn vấp phải nhiều khó khăn, các mặt hàng đều sụt giảm trừ xuất khẩu tôm. Dự báo năm 2014, kim ngạch XK thủy sản có thể đạt 6.9 tỉ USD, trong đó tôm XK đạt 3 tỉ USD; cá tra 1.6 tỉ USD và hải sản khoảng 2.3 tỉ USD.

Theo thống kê, kim ngạch xuất khẩu trong tháng 12/2013 đạt 11.64 tỷ USD, nhập khẩu đạt 12.2 tỷ USD khiến cán cân thương mại của Việt Nam thâm hụt khoảng 600 triệu USD. Qua đó, nâng tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước trong năm 2013 đạt 132.135 tỷ USD, tăng 15.4% so với cùng kỳ năm 2012; còn tổng kim ngạch nhập khẩu đứng ở mức 132.125 tỷ USD, tăng 16.1% so với cùng kỳ năm 2012. Như vậy, với thâm hụt 600 triệu USD trong tháng 12 đã kéo Việt Nam xuất siêu ở mức 10 triệu USD trong 2013 thay vì con số 863 triệu USD như ước tính của Tổng cục Thống kê trước đó.

Theo khảo sát về triển vọng kinh doanh châu Á (ABOS) năm 2014 đối với 334 khách hàng của Economist Corporate Network (ECN), Trung Quốc được xếp hạng là điểm đến đầu tư hàng đầu châu Á, với 68.7% người được hỏi có kế hoạch tăng đầu tư vào nước này. Các vị trí tiếp theo trong Top 6 thuộc về Indonesia (52.6%), Ấn Độ (45.8%), Myanmar (38.7%) và Thái Lan (35%). Malaysia (34%). Việt Nam đứng thứ 7, tụt 3 bậc so với 3 năm trước đó khi chỉ 31.6% số DN được hỏi có ý định tăng đầu tư trong năm 2014

## ► Tin doanh nghiệp

CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công thương (HNX: CTS) công bố kết quả kinh doanh quý 4/2013 đạt 17.5 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, tăng 26% cùng kỳ năm trước tuy nhiên lũy kế cả năm 2013 lợi nhuận sau thuế của VietinbankSC đạt hơn 65 tỷ đồng, giảm 10% năm 2012. Ngày 31/12/2013, HĐQT VietinbankSC đã thông qua việc điều chỉnh kế hoạch năm 2013 của công ty từ 115 tỷ đồng trước thuế xuống 85 tỷ đồng. Với kết quả đạt được, công ty đã hoàn thành kế hoạch năm sau điều chỉnh.

Kết thúc năm 2013, CTCP Tập đoàn Hòa Phát (HOSE: HPG) đạt 19,200 tỷ đồng doanh thu và 2010 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, lần lượt vượt 4% và 68% kế hoạch. Riêng thép xây dựng của HPG đạt sản lượng tiêu thụ cả năm xấp xỉ 700,000 tấn, cao nhất từ trước đến nay. Sau hơn hai tháng đưa giai đoạn 2 Khu liên hợp gang thép tại Hải Dương vào hoạt động, thị phần thép Hòa Phát đã tăng trưởng từ 14.8% (cuối tháng 10) lên 15.2%. Tổng số nợ ngân sách nhà nước toàn Tập đoàn trong năm 2013 đạt 1,836 tỷ đồng.

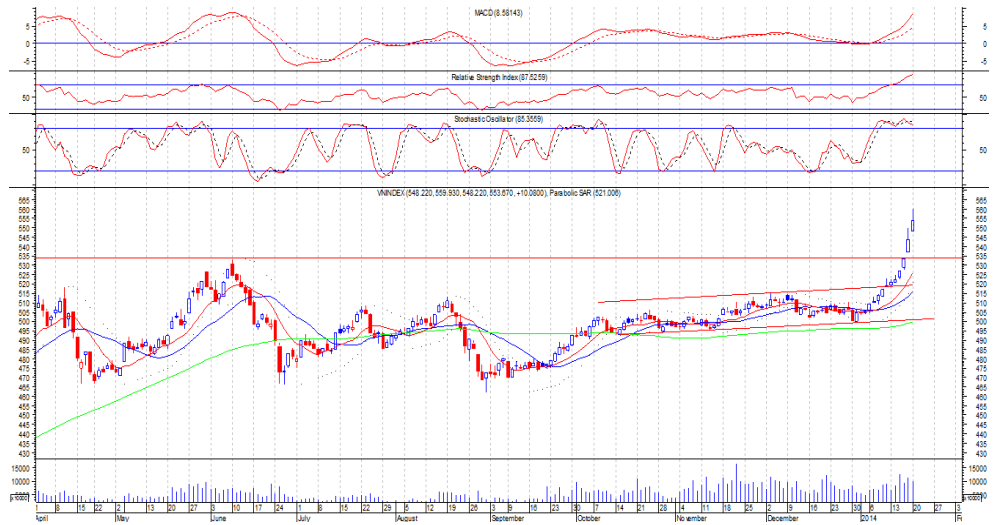
CTCP CN Cao su Miền Nam (HOSE: CSM) công bố lợi nhuận sau thuế quý 4/2013 đạt gần 103 tỷ đồng, cao gấp rưỡi so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể, doanh thu thuần trong kỳ của CSM đạt 801 tỷ đồng, tăng 5% so với quý 4/2012. Lợi nhuận gộp cũng tăng 7% lên 219 tỷ đồng với tỷ suất lãi gộp 27%. Đáng chú ý, doanh thu tài chính của công ty cao gấp 8 lần cùng kỳ với hơn 19 tỷ đồng trong khi chi phí tài chính giảm 56% xuống 24.6 tỷ đồng. Nhờ vậy, lợi nhuận sau thuế của CSM đạt 103 tỷ đồng, tăng hơn 50% so với quý 4/2012. Lũy kế cả năm 2013, lãi sau thuế của công ty cũng tăng 42% lên 360.6 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế của CSM vượt 75% kế hoạch năm và đạt 481 tỷ đồng, tăng 43% so với năm 2012.

**HOSE** 20/01/2014 VNINDEX 553.66 10.07 1.85% 105,722,499 CP 1,969.19 bil VND

### Bluechips tiếp tục giúp VN-Index chinh phục đỉnh mới

VN-Index tăng 10.07 điểm (1.85%), đóng cửa tại mức 553.66 điểm. VN-Index hình thành cây nến xanh, thân nến dài, VN-Index đóng cửa ở mức đỉnh cao mới trong 4 năm vừa rồi.

- MA10, MA20 đi lên cho thấy tín hiệu ngắn hạn đang rất tích cực.
- Tín hiệu MACD Histogram tiếp tục tăng lên, điều này cho thấy xu hướng thị trường đang rất tích cực.
- Stochastic Oscillator cho tín hiệu bán ở phiên hôm nay.
- RSI (14) tăng lên mức 87, đây là mức rất cao.



### HOSE Top 5 theo KLGD

ITA	-0.1 (-1.5%)	8,982,560
FLC	-0.5 (-6.0%)	5,998,620
HQC	-0.5 (-6.5%)	5,993,390
SSI	0 (0.0%)	4,242,620
HAG	0 (0.0%)	4,013,080

### HOSE Top 5 theo % tăng

SMA	0.3 (7.0%)	217,790
SCD	1.8 (6.9%)	10
CIG	0.2 (6.9%)	13,560
SRF	1.2 (6.9%)	16,270
STB	1.3 (6.8%)	1,305,020

### HOSE Top 5 theo % giảm

VLF	-0.6 (-7.0%)	2,740
TSC	-0.6 (-6.9%)	197,730
SJS	-1.5 (-6.8%)	344,010
VID	-0.3 (-6.8%)	34,670
CLP	-0.5 (-6.6%)	40

### HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

VIC	49,9 tỷ	658,240
DPM	33,2 tỷ	683,550
VCB	29,6 tỷ	#VALUE!
MSN	29,5 tỷ	289,830
PVD	18,6 tỷ	267,030

### HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

DPR	-0,7 tỷ	15,960
FPT	-0,6 tỷ	10,600
CSM	-0,5 tỷ	13,040
SSI	-0,5 tỷ	22,600
ITC	-0,3 tỷ	48,000

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	11,017,480	309.75

### Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Phần lớn các cổ phiếu đều rơi vào nhịp điều chỉnh, tuy nhiên nhóm vốn hóa lớn như MSN, BVH... được khối ngoại mua gom mạnh, giúp VN-Index tăng điểm khá mạnh.
- ▶ Thanh khoản tiếp tục duy trì ở mức cao, dù áp lực chốt lời khá lớn. Điều này cho thấy dòng tiền vẫn đang ở lại với thị trường.
- ▶ VN-Index đóng cửa ở vùng đỉnh của 4 năm qua. Việc khối ngoại tiếp tục mua ròng sẽ giúp VN-Index tăng điểm, nhưng rủi ro đi kèm đối với nhà đầu tư cũng đang lớn dần.
- ▶ Khối ngoại gia tăng lượng mua ròng. Nếu khối ngoại vẫn duy trì đà mua ròng như hiện nay thì nhiều khả năng VN-Index sẽ tiếp tục tăng điểm.
- ▶ NĐT hạn chế tỷ trọng mua mới trong DM. Tránh trường hợp khối ngoại giảm lượng mua ròng đột ngột. NĐT mạo hiểm có thể xem xét mua lại các mã đã đ/c.

### HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	EPS (000')	P/E (lần)	P/B (lần)	D/E
GAS	1,895.0	77.5	146,862.50	6,141	10.7	4.0	0.47
VNM	833.5	142.0	118,360.65	7,294	19.9	7.2	0.22
VIC	928.6	76.0	70,576.09	1,210	52.5	5.4	4.36
MSN	705.1	99.0	69,808.95	1,467	66.1	4.3	1.19
VCB	2,317.4	29.2	67,668.58	1,804	15.5	1.5	8.89
CTG	3,266.1	16.3	53,238.15	2,633	7.4	1.5	13.42
BVH	680.5	44.2	30,076.84	1,634	28.3	2.5	2.69
STB	1,142.5	20.3	23,192.99	523	32.5	1.3	10.05
HPG	419.1	52.0	21,790.73	3,005	10.2	1.4	1.12
DPM	379.9	48.7	18,502.80	7,410	5.5	1.6	0.14

### HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	232.6	11.6	2,698.16	13.0	0.5	NA	T.ĐỒI
PPC	318.2	25.6	8,144.76	5.6	1.6	NA	T.ĐỒI
PHR	78.5	30.8	2,417.49	4.8	1.1	31.0	GIỮ
BMP	45.5	76.5	3,479.10	9.5	1.9	NA	T.ĐỒI
VSC	28.6	63.5	1,819.02	5.0	1.2	NA	T.ĐỒI
DPM	379.9	48.7	18,502.80	5.5	1.6	NA	T.ĐỒI

**HNX**      20/01/2014      HNX-Index      72.50      -0.28      -0.39%      56,918,335 CP      779.61 bil. VND

### Áp lực chốt lời tiếp tục đẩy HNX-Index giảm điểm

Chỉ số HNX-Index giảm 0.28 điểm (-0.39%), đóng cửa tại mốc 72.5 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến đỏ, thân ngắn. HNX-Index tiếp tục với nhịp điều chỉnh.

- MA10, MA20 vẫn đang xu hướng tăng, điều này cho thấy xu hướng tăng điểm của HNX-Index vẫn được duy trì. Và sẽ là điểm hỗ trợ mạnh nếu HNX-Index tiếp tục điều chỉnh.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator đi ra khỏi vùng quá mua.

- Tín hiệu MACD Histogram dừng đà tăng và đi ngang trở lại.

- RSI (14) giảm xuống mức 76.



### HNX Top 5 theo KLGD

PVX	-0.1 (-3.6%)	5,770,680
VND	-0.1 (-0.8%)	4,560,880
SHB	0.1 (1.4%)	4,488,330
SCR	-0.2 (-2.7%)	3,339,630
SHN	-0.5 (-9.6%)	3,193,330

### HNX Top 5 theo % tăng

SDC	1 (15.6%)	-
CCM	1 (10.0%)	2,000
VE4	0.8 (10.0%)	-
TDN	1 (9.8%)	6,100
TC6	1 (9.7%)	21,900

### HNX Top 5 theo % giảm

DLR	-0.7 (-10.0%)	400
HCT	-0.9 (-10.0%)	2,100
QCC	-0.3 (-10.0%)	100
SHA	-0.5 (-10.0%)	1,400
VC6	-0.7 (-9.9%)	200

### HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

PVS	10,6 tỷ	400,100
VND	10,2 tỷ	766,700
SHB	6,3 tỷ	863,400
KLS	4,5 tỷ	475,000
VCG	1,5 tỷ	147,600

### HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

BVS	-0,5 tỷ	43,400
VIG	-0,2 tỷ	60,500
ARM	-0,1 tỷ	4,000
PVC	0,0 tỷ	1,000
SD6	0,0 tỷ	1,100

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	4,138,459	55.22

### Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Sàn Hà Nội tiếp tục chịu áp lực chốt lời khá lớn. Nhiều mã chủ chốt sàn này đã không thể duy trì được đà tăng giá khi đóng cửa.
- ▶ Thanh khoản sụt giảm nhẹ, điều này cho thấy nhà đầu tư bắt đầu có tín hiệu thận trọng hơn với nhịp điều chỉnh của sàn này.
- ▶ Đà tăng của HNX-Index vẫn đang duy trì. Tuy nhiên nhiều khả năng những nhịp điều chỉnh sẽ diễn ra mạnh ở những phiên tới khi đà chốt lời tiếp tục gia tăng.
- ▶ Khối ngoại vẫn giữ đà mua ròng khá mạnh ở sàn Hà Nội. Nếu khối ngoại vẫn giữ nhịp mua ròng như hiện tại, thì HNX-Index sẽ không điều chỉnh nhiều.
- ▶ NĐT hạn chế tỷ trọng mua mới trong DM. Tránh trường hợp khối ngoại giảm lượng mua ròng đột ngột. NĐT mạo hiểm có thể xem xét mua lại các mã đã đ/c.

### HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	EPS (000')	P/E (lần)	P/B (lần)	D/E
ACB	921.5	16.4	15,112.85	432	37.0	1.2	12.61
PVS	446.7	26.3	11,748.22	3,133	5.3	1.0	1.80
SQC	110.0	78.2	8,602.00	1,110	70.5	6.3	0.28
SHB	886.1	7.2	6,379.80	- 266	- 25.6	0.6	9.78
VCG	441.7	10.3	4,549.62	267	42.7	1.0	4.03
PVI	226.3	19.0	4,298.84	1,552	10.2	0.6	0.80
LAS	77.8	42.4	3,300.08	5,137	7.4	2.4	1.04
NTP	43.3	66.9	2,899.31	6,884	7.4	1.9	0.38
OCH	100.0	27.5	2,750.00	1,100	23.6	2.3	2.24
VNR	100.8	24.0	2,419.86	3,340	6.7	0.9	0.80

### HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	32.5	1,235.00	4.5	0.9	NA	T.ĐỔI
AAA	19.8	20.1	397.98	3.1	0.5	NA	T.ĐỔI
VND	100.0	13.1	1,309.66	7.8	0.8	NA	T.ĐỔI
NTP	43.3	66.9	2,899.31	7.4	1.9	NA	T.ĐỔI
LHC	2.0	59.3	118.60	3.9	1.1	NA	T.ĐỔI
DXP	7.9	47.5	374.06	4.8	1.6	NA	T.ĐỔI

<b>Chỉ số bình quân ngành</b>	<b>Vốn hóa (tỷ)</b>	<b>EPS</b>	<b>P/E</b>	<b>P/B</b>	<b>D/E</b>
<b>Hóa chất &amp; Tài nguyên cơ bản</b>					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	7,550	5,683	4.7	1.0	0.43
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	20,886	5,910	5.9	1.6	0.40
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	852	418	11.9	0.4	2.04
Sản xuất giấy	532	658	9.9	0.5	0.94
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	24,000		12.0	1.3	1.72
Khai khoáng					
Khai thác than	1,356	493	19.6	0.7	4.74
Khai khoáng	12,022	1,376	23.3	5.0	0.33
<b>Xây dựng và vật liệu</b>					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	13,916	961	11.5	1.2	1.60
Xây dựng	20,919	4	2,261.3	0.8	3.37
<b>Hàng và dịch vụ công nghiệp</b>					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	1,998	2,898	6.0	1.1	0.98
Công nghiệp phức hợp	184	- 1,157 -	5.4	0.5	0.59
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,540	1,007	12.6	1.4	0.77
Thiết bị điện	1,182	- 533 -	8.6	0.5	1.09
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	23	263	15.9	0.3	0.44
Máy công nghiệp	7,374	1,550	14.3	1.5	0.88
Vận tải					
Vận tải thủy	3,886	- 930 -	5.0	0.5	1.45
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	7,246	3,559	8.8	1.2	0.40
Dịch vụ vận tải	3,990	1,703	8.7	1.1	0.81
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	1,355	2,515	5.1	0.9	2.40
Đào tạo & Việc làm	181	196	34.0	0.6	1.91
Nhà cung cấp thiết bị	154	981	7.3	0.8	2.42
Chất thải & Môi trường	88	6,140	1.7	0.6	1.22
<b>Ô tô và Phụ tùng</b>					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	1,250	952	10.5	0.9	1.43
Lốp xe	6,357	4,039	8.7	2.4	1.26
<b>Thực phẩm và đồ uống</b>					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,112	2,998	5.1	0.9	0.72
Vang & Rượu mạnh	207	2,255	10.2	1.5	0.75
Đồ uống & giải khát	162	3,671	4.1	0.8	0.38
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	13,386	1,729	10.7	1.1	2.25
Thực phẩm	210,534	3,746	24.4	5.7	0.58
<b>Hàng cá nhân và gia dụng</b>					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	18	- 870 -	1.7	0.2	0.32
Thiết bị gia dụng	1,377	1,629	7.0	0.8	1.32
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	151	4,838	3.4	1.0	0.40
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	1,892	2,046	7.4	0.9	1.64
Giày dép	4	1,938	1.3	0.2	0.59
Hàng cá nhân	4,019	3,221	8.2	1.5	0.89
Thuốc lá					
Thuốc lá	680		52.5	0.9	3.04

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	EPS	P/E	P/B	D/E
<b>Y tế</b>					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	949	4,635	4.1	1.0	0.86
Dụng cụ y tế	66	5,189	1.9	1.2	1.62
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	120	928	11.3	0.8	0.55
Dược phẩm	12,654	5,495	10.8	2.8	0.78
<b>Bán lẻ</b>					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	359	636	44.8	1.1	2.55
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	539	914	14.8	0.9	1.06
Phân phối hàng chuyên dụng	2,812	3,252	8.6	1.9	3.48
<b>Truyền thông, Du lịch và Giải trí</b>					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	5	2,907	1.6	0.3	0.78
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	850	1,572	5.9	0.8	0.69
Du lịch và giải trí					
Hàng không	70	4,511	5.2	2.1	1.04
Khách sạn	2,980	880	24.1	2.3	2.02
Dịch vụ giải trí	1,441	639	17.7	1.6	0.91
Vận tải hành khách & Du lịch	1,010	1,530	10.6	1.8	0.49
<b>Viễn Thông &amp; Công nghệ thông tin</b>					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	54	628	12.7	0.4	0.76
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	383	33	137.6	0.5	1.40
Internet	163	3,039	0.7	0.4	3.98
Phần mềm	12,323	4,951	7.7	1.8	1.00
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	255	779	7.9	0.4	1.32
Thiết bị văn phòng	164	3,027	4.6	0.7	0.21
Thiết bị viễn thông	2,104	1,056	10.3	0.9	0.32
<b>Điện nước, xăng dầu và khí đốt</b>					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	19,771	1,854	7.5	1.2	1.23
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	128,282	5,562	10.6	3.9	0.50
Nước	853	2,446	4.6	0.9	0.58
<b>Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản</b>					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,049	516	17.0	0.7	1.69
Bảo hiểm phi nhân thọ	5,421	1,465	9.1	0.6	0.83
Tái bảo hiểm	2,248	3,340	6.7	0.9	0.80
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	31,506	1,634	28.3	2.5	2.69
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	3,180	69	153.5	1.0	2.44
Môi giới chứng khoán	16,526	435	21.3	0.9	0.57
Ngân hàng					
Ngân hàng	202,880	1,576	11.6	1.4	10.91
Bất động sản					
Bất động sản	120,896	456	46.9	3.5	3.12
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	4	672	5.0	0.4	0.88
<b>Dầu khí</b>					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	19,294	4,020	6.6	1.3	1.63

- |                           |  |                          |  |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ <b>Nguyễn Hữu Quang</b> | <b>Giám đốc Tư vấn Đầu tư</b><br>quangnh@vietinbanksc.com.vn   |                          |  |
| ▶ <b>Nguyễn Quang Sắc</b> | sacnq@vietinbanksc.com.vn<br>- Tổng hợp thông tin vĩ mô<br>- Phân tích kỹ thuật<br>- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ <b>Nguyễn Thu Hằng</b> | hangntt@vietinbanksc.com.vn<br>- Ngân hàng<br>- Thép và sản phẩm thép<br>- Dược phẩm               |
| ▶ <b>Nguyễn Hoài Nam</b>  | namnh@vietinbanksc.com.vn<br>- Sản phẩm hóa dầu<br>- Phân phối xăng dầu, khí đốt<br>- Thiết bị và dịch vụ dầu khí    | ▶ <b>Vũ Ánh Nguyệt</b>   | nguyetva@vietinbanksc.com.vn<br>- Nhựa, cao su, sợi<br>- Thực phẩm<br>- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.